

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

ĐỀ THI CUỐI KỲ SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG 2
Học kỳ 2/2015-2016

TỔNG SỐ CÂU: 50

THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút

Mã đề: 787

Lưu ý thí sinh: Làm bài trên PHIẾU TRẢ LỜI.
Không sử dụng tài liệu, nộp lại đề thi.
PHIẾU TRẢ LỜI không ghi và tô mã đề sẽ chịu điểm 0.
Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

1. Bộ Nhụy được xem là quan trọng nhất của Hoa vì:

- A. Giúp bảo vệ hoa hữu hiệu. B. Giúp thụ phấn.
C. Giúp thụ tinh. D. Nơi chứa vật liệu di truyền của Cha và Mẹ

2. Sự khác biệt trong sinh trưởng ở thực vật và động vật là:

- A. Một tế bào thực vật đã biệt hoá có thể phát triển thành một cá thể hoàn chỉnh, điều này không tồn tại ở động vật.
B. Mô phân sinh chỉ tồn tại ở thực vật.
C. Ở thực vật, các cơ quan mới liên tục được tạo ra còn ở động vật, số lượng các cơ quan được xác định từ thời kỳ phôi.
D. Cả ba câu trên đều đúng.

3. Hiệu ứng nhà kính

- A. Các câu còn lại đều đúng.
B. Xảy ra do sự phá hủy tầng ozôn.
C. Là hậu quả của quá trình ô nhiễm không khí làm nhiệt độ không khí ấm lên.
D. Chịu ảnh hưởng của các phân tử khí: Hơi nước, CO_x.

4. Đối với các hệ sinh thái trên cạn vùng Ninh Thuận, yếu tố giới hạn quan trọng:

- A. Hàm lượng khí O₂, CO₂ B. Hàm lượng dinh dưỡng
C. Chế độ nhiệt D. Lượng mưa

5. Hải đảo với quần xã sinh vật tồn tại trên đó:

- A. Duy trì sự tồn tại của mình nhờ vào nguồn nguyên liệu dưỡng chất cung cấp từ các dòng hải lưu.
B. Phụ thuộc tuyệt đối vào nguồn năng lượng thủy triều.
C. Là một hệ sinh thái có thể tồn tại mà không cần nguồn vật chất cung cấp từ bên ngoài.
D. Là một hệ sinh thái có thể tồn tại mà không cần nguồn năng lượng cung cấp từ bên ngoài.

6. Chiếm khối lượng nhiều nhất trong cơ thể:

- A. Là mô liên kết. B. Là mô máu. C. Là mô biểu bì. D. Là mô cơ.

7. Các tế bào hồng cầu:

- A. Luôn có nhiều nhân DNA. B. Có kích thước đồng đều nhau.
C. Có khả năng sản xuất kháng thể. D. Có tuổi thọ suốt đời.

8. Các tế bào gốc thu nhận từ cơ thể trưởng thành thuộc nhóm:

- A. Tế bào gốc nhân tạo. B. Tế bào gốc đa năng.
C. Tế bào gốc vạn năng. D. Tế bào gốc nhũ nhi.

9. Trong mô máu:

- A. Chất nền có chứa nhiều fibrinogen. B. Các tế bào liên kết với nhau bằng CAM.
C. Có chất nền chứa nhiều sợi collagen. D. Không có các phân tử khí O₂ và CO₂.

10. Sự dẫn truyền xung thần kinh:

- A. Nhờ các tế bào thần kinh đệm. B. Chỉ diễn ra trong tủy sống
C. Phụ thuộc khe synap. D. Chủ yếu trên vỏ não.

11. Biên độ sinh thái:

- A. Là ngưỡng có cường độ thấp nhất của một yếu tố sinh thái mà một loài sinh vật có thể tồn tại.
B. Là khoảng giới hạn của một yếu tố sinh thái mà ở đó loài sinh vật đạt cường độ hoạt động tốt nhất.
C. Các câu trên đều đúng.
D. Của các cá thể cùng loài có giá trị giống như nhau.

12. Tế bào gốc phôi người đã được thu nhận từ:
A. Năm 1999. B. Phôi nang. C. Công nghệ nhân bản. D. Dây rốn.
13. Mô lưới (võng)
A. Có vai trò trong hệ miễn dịch. B. Phân bố nhiều ở não – tủy
C. Chỉ có ở người trưởng thành. D. Là cấu trúc chính của da.
14. Tế bào mầm sinh dục (Embryonic germ cell_EG):
A. Xuất phát từ rãnh sinh dục (Genital ridge) của phôi.
B. Được thu nhận từ trung phôi bì.
C. Sẽ hình thành cơ quan sinh dục ngoài sau này
D. Được thu nhận từ lớp lá nuôi bao ngoài.
15. Mô sụn:
A. Không chứa ion canxi và collagen.
B. Yếu tố nền của mô chứa nhiều chất cartilagein.
C. Có mặt ở tất cả các xương.
D. Là mô liên kết chính thức.
16. Đĩa phôi ngoài và đĩa phôi trong cho ra các tế bào:
A. Tế bào thận, tế bào tuyến giáp, tế bào máu.
B. Tế bào biểu bì, tế bào xương, tế bào tụy.
C. Tế bào tụy, tế bào phôi, tế bào thần kinh.
D. Tế bào sắc tố, tế bào cơ trơn, tế bào sinh dục.
17. Tế bào tự hủy (apoptotic) của tế bào có ở trường hợp:
A. Tế bào chết theo chương trình. B. Tế bào chết hoại tử.
C. Cơ thể bị bệnh nặng. D. Các dữ kiện a, b, c đều đúng.
18. Tìm câu đúng:
A. Kháng nguyên nhóm máu có trong huyết tương.
B. Kháng thể nhóm máu khảm ở màng hồng cầu.
C. Thành phần chính của huyết tương là nước.
D. Nồng độ muối ăn trong huyết tương là 0,9%.
19. Vách tế bào TV được cấu tạo chủ yếu bởi?
A. Tất cả các thành phần trên. B. Cellulose + Hemicellulose.
C. Pectic + Cellulose. D. Peptid + Cellulose.
20. Hệ bạch huyết:
A. Là mô liên kết chính thức. B. Chỉ có bạch cầu và tiểu cầu.
C. Không có động mạch riêng. D. Là cơ quan tạo máu.
21. Actin và Myosin là các protein:
A. Chỉ có trong tủy xương đỏ. B. Có nhiều ở các tế bào cơ.
C. Có nhiều ở tế bào thần kinh. D. Khảm trên màng tế bào.
22. Có thể thu nhận tế bào gốc máu:
A. Ở máu ngoại vi. B. Ở trung mô
C. Ở tủy xương D. Các dữ kiện (a,b,c) đều đúng.
23. Lympho T là tế bào:
A. Sản xuất kháng thể. B. Thuộc nhóm tế bào có hạt.
C. Có khả năng thực bào. D. Được biệt hóa từ tuyến ức.
24. Bạch cầu trung tính:
A. Có tuổi thọ 120 ngày. B. Có nguồn gốc từ dòng lympho.
C. Thuộc nhóm tế bào đơn nhân. D. Có khả năng thực bào.
25. Thuật ngữ "Sinh thái học" (Ecology) chỉ ngành học:
A. Các câu trên đều đúng.
B. Là thuật ngữ được sử dụng đầu tiên bởi Tansley.
C. Nghiên cứu cấu trúc và chức năng của tự nhiên.
D. Nghiên cứu các sự tương tác giữa sinh vật và môi trường ở cấp độ tế bào.
26. Đĩa phôi giữa cho ra các tế bào:
A. Tế bào cơ xương, tế bào xương, tế bào tụy. B. Tế bào cơ trơn, tế bào thận, tế bào hồng cầu
C. Tế bào máu, tế bào cơ trơn, tế bào sinh dục. D. Tế bào thận, tế bào phôi, tế bào thần kinh.

27. *Mầm phôi (Embryonic Germ cell - EG):*
 A. Là lớp tế bào bên trong (inner cell mass).
 B. Chỉ biệt hóa thành mô liên kết.
 C. Chỉ biệt hóa thành hệ thần kinh.
 D. Có chức năng tạo dây rốn.
28. *Tìm trình tự đúng:*
 A. Leucocytes - Granulocytes - Eosinophil.
 B. Leucocytes - Granulocytes - Lymphocyte.
 C. Monocyte - Platelets - Erythrocyts
 D. Neutrophil - Erythrocyts - Basophil.
29. *Muốn tạo trái không hạt người ta thường dùng:*
 A. Acid Abscisc B. Ethylen
 C. Giberelin D. Auxin
30. *Thùy khẩu nằm ở:*
 A. Phiến lá. B. Gân lá.
 C. Rìa lá. D. Cuống lá.
31. *Quá trình phân giải trong hệ sinh thái*
 A. Là quá trình chuyển hoá các hợp chất hữu cơ thông qua hoạt động biến dưỡng của các loài sinh vật dị dưỡng.
 B. Được thực hiện trên các vật liệu hữu cơ dưới dạng chất thải ra ngoài môi trường.
 C. Tạo ra năng suất sơ cấp trong hệ sinh thái.
 D. Do nhóm vi sinh vật quang dưỡng thực hiện.
32. *Huyết thanh:*
 A. Là dịch lỏng chứa nhiều khoáng chất.
 B. Luôn chứa fibrinogen.
 C. Là chất căn bản của mô thần kinh.
 D. Là dịch nội bào.
33. *Thực vật C4 sống ở vùng:*
 A. Ngập mặn. B. Nóng khô.
 C. Khắp mọi nơi. D. Nóng ẩm.
34. *Trong việc tạo cây con trong ống nghiệm, nhất thiết phải có chất điều hòa sinh trưởng thực vật nào?*
 A. Auxin và cytokinin.
 B. Auxin và acid abscisic.
 C. Auxin và giberelin.
 D. Giberelin và cytokinin.
35. *Trong 1 hệ sinh thái tự nhiên – với sự hiện diện đầy đủ các thành phần sinh vật, để hệ thống này duy trì sự sống liên tục của mình cần phải có:*
 A. Nguồn năng lượng được cung cấp liên tục từ bên ngoài hệ thống
 B. Nguồn vật chất được cung cấp liên tục từ bên ngoài hệ thống
 C. Cả 2 yếu tố vừa kể trên
 D. Các câu trên đều sai
36. *Năng suất sơ cấp của hệ sinh thái:*
 A. Là lượng chất hữu cơ được tích lũy ở nhóm sinh vật dị dưỡng.
 B. Được tạo ra do quá trình quang hợp.
 C. Thể hiện qua sự gia tăng sinh khối theo thời gian của nhóm sinh vật sản xuất.
 D. Là nguồn vật chất cung cấp trực tiếp cho quá trình phân giải.
37. *Tế bào người:*
 A. Có thể có cấu trúc lông và roi.
 B. Không có khả năng tự vận động.
 C. Luôn chứa nhiều không bào.
 D. Thường có cấu trúc “cầu liên bào”.
38. *Đặc tính nào không đúng cho tế bào vùng sinh mô?*
 A. Nhân to. B. Kích thước to.
 C. Phân chia mạnh. D. Không bào lớn.
39. *Con đường apoplast là con đường:*
 A. Ngoài tế bào. B. Trong tế bào.
 C. Qua màng. D. Cả 3 đều đúng.
40. *Cơ chế quang hợp được chia thành 2 pha (bước):*
 A. Pha quang giải nước và kết nạp CO₂.
 B. Kết hợp các yếu tố trên.
 C. Pha quang giải nước và pha sáng.
 D. Pha kết nạp CO₂ và Oxy.
41. *Mục đích của hỗ trợ sinh sản:*
 A. Tạo thai ngoài tử cung.
 B. Tạo phôi ngoài tử cung.
 C. Chỉ dành cho nam giới.
 D. Chỉ dành cho nữ giới.
42. *Trong hệ sinh thái rừng, độ ẩm không khí có ảnh hưởng quan trọng đối với nhóm:*
 A. Dây leo.
 B. Thực vật phụ sinh
 C. Thực vật ký sinh
 D. Cây gỗ

43. *Trình tự đúng:*

- A. Tinh nguyên bào – tinh bào sơ cấp – tinh tử
- B. Tinh tử - tinh nguyên bào – tinh bào sơ cấp
- C. Tinh bào sơ cấp – tinh tử - tinh nguyên bào
- D. Tinh bào sơ cấp – tinh nguyên bào - tinh tử

44. *Vị trí của con người trong hệ sinh thái được hiểu đúng nhất là:*

- A. Như là một thành viên của hệ sinh thái, có khả năng tự điều chỉnh hành vi của mình trong khai thác và cải tạo thiên nhiên
- B. Sống hoàn toàn độc lập với các quy luật tự nhiên
- C. Sống lệ thuộc vào các loài động thực vật đã có
- D. Có khả năng kiểm soát tất cả các loài

45. *Nhóm động vật trong hệ sinh thái:*

- A. Tham gia trực tiếp vào quá trình phân giải.
- B. Tổng hợp chất hữu cơ, dự trữ và cung cấp chất hữu cơ cho các thành viên sinh vật khác.
- C. Là thành phần sinh vật quyết định sự hình thành và tồn tại của hệ sinh thái.
- D. Có chức năng quan trọng trong cơ chế cân bằng của hệ sinh thái.

46. *Vòng tăng trưởng của một thực vật thân gỗ đa niên biểu thị bởi:*

- A. Hoạt động của nhu mô libe.
- B. Hoạt động của nhu mô mộc.
- C. Hoạt động của nhu mô vỏ.
- D. Cả 3 yếu tố trên.

47. *Apoptosis là thuật ngữ dùng để chỉ:*

- A. Một giai đoạn phát triển của tế bào.
- B. Một trạng thái của tế bào.
- C. Một cấu trúc của tế bào.
- D. Một loại tế bào.

48. *Ở rễ vùng nào có tế bào ít hoạt động nhất?*

- A. Chóp.
- B. Sinh mô.
- C. Tăng trưởng.
- D. Trưởng thành.

49. *Những tính chất đặc trưng của chùng quần (quần thể) sinh vật:*

- A. Năng suất, sự tăng trọng, phân bố, độ tuổi.
- B. Số lượng, tăng trưởng, cơ cấu tuổi, phân bố.
- C. Mật độ, trọng lượng, cơ cấu tuổi, kích thước.
- D. Mật độ, số lượng, tăng trưởng, cơ cấu tuổi.

50. *Tiểu cầu:*

- A. Chỉ tồn tại ở tĩnh mạch.
- B. Có kích thước lớn nhất trong các tế bào máu ngoại vi.
- C. Có thể sản xuất protein kháng thể.
- D. Có chức năng vá mạch.